

Số: 142/XSKT-TVKT

An Giang, ngày 07 tháng 02 năm 2025

V/v yêu cầu gửi báo giá cung cấp dịch vụ bảo hiểm
sức khỏe cho cán bộ nhân viên Công ty TNHH
MTV Xổ số Kiến thiết An Giang

Kính gửi: Quý đơn vị

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang (gọi tắt là Công ty) có nhu cầu cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ nhân viên Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang. Công ty kính đề nghị quý đơn vị vui lòng gửi báo giá để Công ty làm cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm và dự toán, với những yêu cầu như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang.
2. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá:
 - Địa chỉ: 64C Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 - Số điện thoại: 02963 852420 Fax: 02963 857906
3. Hình thức tiếp nhận báo giá: Trực tiếp tại Công ty hoặc qua đường bưu điện.
4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 07/02/2025 đến hết ngày 12/02/2025.
5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Báo giá có hiệu lực 60 ngày.

6. Lưu ý: Ngoài bì thư ghi nội dung “Báo giá cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ nhân viên Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang năm 2026”; gửi về phòng Tài vụ - Kế toán, Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Thời gian thực hiện: từ ngày **15/12/2025** đến hết ngày **14/12/2026** (12 tháng).
- Yêu cầu về quyền lợi bảo hiểm tối thiểu (*Theo phụ lục đính kèm*).
- Số lượng tham gia bảo hiểm: Dự kiến 70 người (53 người mua mức 1 và 17 người mua mức 2).

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Công ty;
- Ban Giám đốc;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Võ Trung Dũng

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM
QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SỨC KHỎE TỐI THIỂU

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHÍNH	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (STBH)/ NGƯỜI/NĂM	
CHƯƠNG TRÌNH	1	2
Điều kiện A - Bảo hiểm Sinh mạng <i>Chết, tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do mọi nguyên nhân (không bao gồm nguyên nhân tai nạn)</i>	50.000.000	60.000.000
Điều kiện B - Chết, thương tật vĩnh viễn do tai nạn	50.000.000	80.000.000
Điều kiện C - Chi phí y tế do tai nạn	60.000.000	100.000.000
Điều kiện D - Điều trị Nội trú do ốm bệnh, thai sản Mức trách nhiệm tối đa/năm và theo các giới hạn phụ sau :	150.000.000	200.000.000
1. Nằm viện do ốm bệnh, sinh thường, sinh mổ, biến chứng thai sản (Tối đa 60 ngày/năm) - Tiền giường, phòng - Phòng chăm sóc đặc biệt - Phòng cấp cứu - Các chi phí y tế khác trong thời gian nằm viện (bao gồm chi phí điều trị trong ngày)	Tối đa 2.000.000/ngày không vượt quá 50.000.000/năm	Tối đa 4.000.000/ngày không vượt quá 80.000.000/năm
2. Phẫu thuật do ốm bệnh, sinh mổ, biến chứng thai sản - Chi phí thuốc men, vật tư y tế - Phòng mổ, phẫu thuật viên, các chi phí gây mê - Các thiết bị cần thiết và hợp lý theo sự kê đơn của bác sỹ - Các chi phí hội chẩn trước khi mổ và hồi sức sau khi mổ - Chi phí tái mổ - Chi phí cấy ghép nội tạng (loại trừ chi phí mua cơ quan cấy ghép nội tạng và toàn bộ các chi phí phát sinh cho người hiến bộ phận cơ thể) (bao gồm cả phẫu thuật trong ngày)	50.000.000/năm	80.000.000/năm
3. Các quyền lợi khác		

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHÍNH	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (STBH)/ NGƯỜI/NĂM	
CHƯƠNG TRÌNH	1	2
a. Chi phí khám trước khi nhập viện	2.000.000/năm	4.000.000/năm
b. Chi phí điều trị sau khi xuất viện (30 ngày kể từ ngày xuất viện)	2.000.000/năm	4.000.000/năm
c. Chi phí y tá chăm sóc tại nhà ngay sau khi xuất viện	2.000.000/năm	4.000.000/năm
d. Trợ cấp nằm viện	50.000/ngày	80.000/ngày
e. Phục hồi chức năng	5.000.000/năm	8.000.000/năm
f. Dịch vụ xe cứu thương (không bao gồm đường hàng không và dịch vụ cứu trợ IPA)	6.000.000/năm	10.000.000/năm
g. Trợ cấp mai táng (tử vong khi nằm viện)	2.000.000/vụ	2.000.000/vụ
Giới hạn tối đa đối với mọi quyền lợi thai sản và sinh đẻ không vượt quá	20.000.000/người/năm	40.000.000/người/năm
QUYỀN LỢI BẢO HIỂM BỔ SUNG		
Điều trị ngoại trú do ốm bệnh (Không áp dụng cho thai sản và biến chứng thai sản) Mức trách nhiệm tối đa/năm và theo các giới hạn phụ sau:	5.000.000	10.000.000
a. Điều trị ngoại trú do ốm bệnh: - Chi phí khám bệnh, tiền thuốc theo kê đơn của bác sỹ, chi phí cho các xét nghiệm, chụp X-quang, siêu âm, chẩn đoán hình ảnh trong việc điều trị bệnh thuộc phạm vi bảo hiểm. - Chi phí phẫu thuật ngoại trú. - Nội soi/thủ thuật (bao gồm nội trú, trong ngày hoặc ngoại trú) chỉ nhằm mục đích chẩn đoán bệnh mà không điều trị	1.000.000/ lần khám	2.000.000/ lần khám
b. Điều trị bằng các phương pháp vật lý trị liệu, trị liệu học bức xạ, nhiệt, liệu pháp ánh sáng và các phương pháp điều trị khác tương tự do bác sỹ chỉ định	100.000/ngày Tối đa 60 ngày/năm	100.000/ngày Tối đa 60 ngày/năm
c. Điều trị răng bao gồm:		

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHÍNH	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (STBH)/ NGƯỜI/NĂM	
CHƯƠNG TRÌNH	1	2
- Khám, chụp X.Q; - Viêm nướu (lợi), nha chu; Trám răng bằng chất liệu thông thường như amalgam, composite, fuji...; - Điều trị tuỷ răng; - Cạo vôi răng (lấy cao răng); và - Nhổ răng bệnh lý (bao gồm tiểu phẫu, phẫu thuật)	1.200.000/ năm (trong đó Cạo vôi răng tối đa 400.000/ năm)	2.000.000/ năm (trong đó Cạo vôi răng tối đa 400.000/ năm)